



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc

Giảng Võ, ngày 06 tháng 04 năm 2026

**LỊCH KIỂM TRA CUỐI HKII KHỐI 6,7,8
NĂM HỌC 2025-2026**

Thực hiện kế hoạch năm học 2025-2026, Ban giám hiệu nhà trường thông báo lịch kiểm tra cuối HKII như sau:

*** Với các môn kiểm tra chung:**

Thứ- Ngày	Môn kiểm tra	Ghi chú
	Sáng	
Thứ tư 22/4/2026	7h30 - 9h00: Toán 7 7h30 - 8h30: KHTN 8 9h20 - 10h50: Toán 6	Toán 6,7 chia phòng
Thứ năm 23/4/2026	7h30 - 9h00: Văn 8 7h30 - 8h30: KHTN 6 9h20 - 10h20: T.Anh 8	Văn 8, T.Anh 8 chia phòng
Thứ sáu 24/4/2026	7h30 - 9h00: Văn 6 7h30 - 8h30: KHTN 7 9h20 - 10h50: Toán 8	Văn 6, Toán 8 chia phòng
Thứ ba 28/4/2026	7h30 - 9h00: Văn 7 7h30 - 8h30: Lịch sử- Địa lý 6 9h20 - 10h20: T.Anh 7	Văn 7, T.Anh 7 chia phòng
Thứ tư 29/4/2026	8h20 - 9h20: Lịch sử- Địa lý 7,8 9h30 - 10h30: T.Anh 6	T.Anh 6 chia phòng

*** Lưu ý: -Môn Văn- Toán- T.Anh 6,7,8 chia phòng**

- Các môn: Công nghệ, GDCD, Âm nhạc, Mĩ thuật, Thể dục, Tin học, Hoạt động trải nghiệm khối 6,7, 8: Nhóm chuyên môn thống nhất đề, GV bộ môn chủ động kiểm tra từ 20/4 đến 29/04/2026.

* Các tiết không kiểm tra, HS học theo Thời khóa biểu.

*** Thời lượng:** - Văn- Toán: 90 phút

- Khoa học tự nhiên; Lịch sử- Địa lý; T.Anh: 60 phút

- Các môn còn lại: 45 phút

*** Đề cương ôn tập:** Đăng trên Website trường từ 8 /4/2026, GVCN thông báo cho HS.

BAN GIÁM HIỆU

**A. NỘI DUNG ÔN TẬP:**

1. Đại số:
 - Phương trình bậc nhất một ẩn.
 - Giải bài toán bằng cách lập phương trình.
 - Hàm số bậc nhất và tương giao của hai đường thẳng.
2. Xác suất của biến cố
3. Hình học:
 - Tam giác đồng dạng và ứng dụng
 - Hình chóp tam giác đều

B. BÀI TẬP THAM KHẢO:**I. ĐẠI SỐ: PHẦN 1 - PHƯƠNG TRÌNH BẬC NHẤT****Bài 1:** Giải các phương trình sau:

- | | |
|---|---|
| 1) $5x - 20 = 0$ | 2) $3x - 12 = 6$ |
| 3) $2x + 5 = 6x - 4$ | 4) $2(x + 5) - 3x = 5x - 7$ |
| 5) $3(2x - 5) = 13 - 5(x - 1)$ | 6) $2(x + 5) + 4(3 - x) = 0$ |
| 7) $3(x - 2) + 7(3 - 2x) = 21$ | 8) $9(x - 1) - 3(2x + 3) = 3(x - 2)$ |
| 9) $4x(2x + 3) + 3x(5 - 4x) = 0$ | 10) $3x(2x - 1) - 2x(3x + 5) = -13(x + 1)$ |
| 11) $(2x - 1)^2 - 4x(x - 3) = 4\left(2x + \frac{1}{4}\right)$ | 12) $(x + 2)^2 + x(5 - x) = 2(x - 1) + 5$ |
| 13) $\frac{x}{3} + 2x = 12$ | 14) $\frac{x - 2}{3} + \frac{2x + 1}{2} = 0$ |
| 15) $\frac{2x - 3}{5} = \frac{3x + 1}{3}$ | 16) $\frac{x - 3}{7} + \frac{x + 1}{2} - \frac{x}{4} = 0$ |
| 17) $3x - \frac{2x - 1}{5} = 3 + \frac{3 - x}{4}$ | 18) $\frac{3x + 2}{2} + \frac{5 - 2x}{3} = \frac{11}{12}$ |
| 19) $\frac{x - 2}{4} + \frac{x - 3}{8} = \frac{2x - 3}{6}$ | 20) $\frac{2x - 1}{5} - \frac{x - 1}{4} + \frac{x + 1}{10} = 1$ |

Bài 2. Giải các phương trình sau:

- | | |
|--|--|
| 1) $\frac{x - 5}{15} + \frac{x - 5}{14} = \frac{x - 5}{13} + \frac{x - 5}{12}$ | 2) $\frac{x - 1}{99} + \frac{x - 1}{98} = \frac{x - 1}{97} + \frac{x - 1}{96}$ |
| 3) $\frac{x + 13}{27} + \frac{x + 12}{28} + \frac{x + 11}{29} = -3$ | 4) $\frac{x - 15}{85} + \frac{x - 20}{80} = \frac{x - 25}{75} + \frac{x - 30}{70}$ |
| 5) $\frac{x + 17}{13} + \frac{x + 16}{14} = \frac{x + 19}{11} + \frac{x + 18}{12}$ | 6) $\frac{x - 105}{5} + \frac{x - 103}{7} + \frac{x - 101}{9} + \frac{x - 99}{11} = 4$ |

PHẦN II - GIẢI BÀI TOÁN BẰNG CÁCH LẬP PHƯƠNG TRÌNH**DẠNG 1: TOÁN CHUYÊN ĐỘNG**

Bài 1: Một ô tô đi từ Hà Giang về Hà Nội với vận tốc 60 km/h rồi từ Hà Nội về Hà Giang với vận tốc 50 km/h. Thời gian lúc đi ít hơn thời gian lúc về 1 giờ. Tính quãng đường từ Hà Giang đến Hà Nội.

Bài 2: Lúc 6 giờ một ô tô xuất phát từ A đến B với vận tốc 40 km/h. Lái xe giao hàng tại B trong 30 phút rồi quay lại A với vận tốc 30 km/h. Tính quãng đường AB biết rằng ô tô về đến A lúc 10 giờ cùng ngày.

Bài 3: Một tàu chở hàng khởi hành từ thành phố HCM với vận tốc 36 km/h. Sau đó 2 giờ một tàu chở khách cũng xuất phát từ đó với vận tốc 48 km/h đuổi theo tàu hàng. Hỏi tàu chở khách đi bao lâu thì gặp tàu chở hàng.

Bài 4: Lúc 7 giờ sáng một người đi xe đạp khởi hành từ A với vận tốc 10 km/h. Sau đó lúc 8 giờ 40 phút một người khác đi xe máy từ A đuổi theo với vận tốc 30 km/h. Hỏi 2 người gặp nhau lúc mấy giờ.

Bài 5: Một người đi xe máy từ A đến B với vận tốc 30 km/h. Khi đến B người đó nghỉ 10 phút rồi quay trở về A với vận tốc lớn hơn vận tốc lúc đi là 5 km/h. Tính quãng đường AB biết thời gian cả đi lẫn về và nghỉ là 6 giờ 40 phút.

Bài 6: Anh An đi ô tô từ nhà lúc 6 giờ 15 phút với vận tốc 50 km/h để đến địa điểm A giao hàng. Anh giao hàng và nghỉ lại A mất 1 giờ 30 phút rồi quay về nhà. Khi đi về đến nhà anh thấy đã là 14 giờ 30 phút. Biết vận tốc lúc về chậm hơn vận tốc lúc đi là 10 km/h. Tính quãng đường anh An đi giao hàng.

Bài 7: Một người đi xe máy từ thành phố về quê với vận tốc trung bình 30 km/h. Lúc lên thành phố người đó đi với vận tốc là 25 km/h. Nên thời gian lúc lên thành phố nhiều hơn thời gian về quê là 20 phút. Tính quãng đường từ thành phố về quê.

Bài 8: Một xe khách và một xe tải xuất phát cùng một lúc đi từ tỉnh A đến tỉnh B. Mỗi giờ xe khách chạy nhanh hơn xe tải 5 km nên xe khách đến B trước xe tải 30 phút. Tính độ dài quãng đường AB biết rằng vận tốc xe tải là 40 km/h.

DẠNG 2: TOÁN CÔNG VIỆC

Bài 1: Một tổ sản xuất dự định làm một số sản phẩm trong một thời gian nhất định. Tổ dự định mỗi ngày làm 120 sản phẩm. Khi thực hiện, mỗi ngày tổ làm được 150 sản phẩm. Vì vậy tổ đã làm xong trước thời gian dự định là 4 ngày và còn làm thêm được 10 sản phẩm. Tính số sản phẩm mà tổ đã dự định làm.

Bài 2: Một tổ may dự định mỗi ngày may 50 cái áo. Nhưng thực tế mỗi ngày tổ đã may được 60 cái áo. Do đó không những tổ đã hoàn thành trước một ngày mà còn làm thêm được 20 cái áo nữa. Tính số lượng áo mà tổ phải may theo dự định ban đầu.

Bài 3: Một đội thợ mỏ lập kế hoạch khai thác than, mỗi ngày phải khai thác được 30 tấn than. Khi thực hiện, mỗi ngày đội khai thác được 50 tấn than. Do đó đội đã hoàn thành trước kế hoạch 1 ngày và còn vượt mức 10 tấn than. Hỏi theo kế hoạch đội phải khai thác bao nhiêu tấn than?

Bài 4: Một tổ sản xuất theo kế hoạch mỗi ngày phải sản xuất 50 sản phẩm. Khi thực hiện mỗi ngày tổ sản xuất được 65 sản phẩm. Do đó tổ đã hoàn thành kế hoạch trước 3 ngày và còn làm vượt mức 255 sản phẩm. Hỏi theo kế hoạch, tổ phải sản xuất bao nhiêu sản phẩm.

Bài 5: Một đội sản xuất dự định mỗi ngày làm 50 sản phẩm. Nhưng thực tế mỗi ngày làm nhiều hơn 10 sản phẩm. Vì vậy không những hoàn thành trước kế hoạch 2 ngày mà còn sản xuất thêm được 30 sản phẩm. Hỏi theo kế hoạch đội phải sản xuất bao nhiêu sản phẩm.

Bài 6: Một đội thợ mỏ lập kế hoạch khai thác than. Theo đó mỗi ngày phải khai thác được 34 tấn than. Nhưng khi thực hiện mỗi ngày đội khai thác được 40 tấn than. Do đó đội đã hoàn thành kế hoạch trước hai ngày và còn vượt mức 10 tấn than. Hỏi theo kế hoạch đội phải khai thác bao nhiêu tấn than.

Bài 7: Một tổ sản xuất dự định mỗi ngày may được 30 chiếc áo. Khi thực hiện nhờ cải tiến kỹ thuật tổ sản xuất may được 45 chiếc áo mỗi ngày nên đã hoàn thành sớm hơn kế hoạch 2 ngày và còn may thêm được 90 chiếc áo. Tính số áo tổ phải làm theo kế hoạch.

Bài 8: Một xưởng dệt làm theo đơn hàng thì mỗi ngày phải dệt 30 cây vải. Nhưng do có 1 người thợ nghỉ việc nên số cây vải làm ra giảm đi 5 cây mỗi ngày. Do đó xưởng đã hoàn thành đơn hàng chậm hơn 4 ngày. Hỏi đơn hàng mà xưởng nhận là bao nhiêu cây vải?

DẠNG 3: TOÁN PHẦN TRĂM

Bài 1: Theo kế hoạch hai tổ sản xuất phải làm 900 sản phẩm. Do cải tiến kỹ thuật nên tổ một vượt mức 20% và tổ hai vượt mức 15% so với kế hoạch. Vì vậy hai tổ đã sản xuất được 1055 sản phẩm. Hỏi theo kế hoạch mỗi tổ sản xuất được bao nhiêu sản phẩm?

Bài 2: Theo kế hoạch hai tổ sản xuất được 900 sản phẩm. Do cải tiến kỹ thuật nên tổ một vượt mức 15% và tổ hai vượt mức 10% so với kế hoạch. Vì vậy hai tổ vượt mức 110 sản phẩm. Hỏi mỗi tổ sản xuất được bao nhiêu sản phẩm.

Bài 3: Hai đội trồng cây rừng trong tháng trước được 700 cây. Trong tháng này đội A vượt mức 60% và đội B vượt mức 40%. Tính xem mỗi đội trong tháng trước trồng được bao nhiêu cây. Biết rằng tháng này cả hai đội trồng được 1100 cây.

Bài 4: Một trường tổ chức cho 250 người gồm giáo viên và học sinh đi trải nghiệm thực tế. Biết giá vé vào công và 160 000 đồng/người. Nhưng vì là học sinh được giảm 10%. Do đó nhà trường chỉ phải chi trả 36 240 000 đồng. Hỏi trong đó có bao nhiêu giáo viên, bao nhiêu học sinh.

Bài 5: Hai lớp 8A và 8B có tất cả 76 học sinh. Biết rằng 25% số học sinh lớp 8A đạt loại Giỏi và 20% số học sinh lớp 8B đạt loại Giỏi và tổng số học sinh giỏi của cả hai lớp là 17 em. Tính số học sinh mỗi lớp.

DẠNG 4: TOÁN CÓ NỘI DUNG HÌNH HỌC

Bài 1: Một khu vườn hình chữ nhật có chu vi là 56 m. Nếu tăng chiều dài thêm 3 m và giảm chiều rộng 1 m thì diện tích khu vườn tăng thêm 5 m². Tính diện tích của khu vườn.

Bài 2: Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài gấp ba lần chiều rộng. Nếu tăng mỗi cạnh thêm 5 mét thì diện tích khu vườn tăng thêm 385 m². Tính các kích thước của mảnh đất.

Bài 3: Một miếng đất hình chữ nhật có chiều rộng bé hơn chiều dài 25 m. Nếu giảm chiều dài đi 25 m thì diện tích sẽ nhỏ hơn diện tích ban đầu là 1000 m². Tính các kích thước ban đầu của miếng đất.

PHẦN III – HÀM SỐ BẬC NHẤT

Bài 1. Cho các điểm A(1;3); B(0;1); C(0;-1); D(0;-1) điểm nào thuộc đồ thị hàm số $y = f(x) = 3x - 1$

Bài 2. Biểu diễn các điểm sau trên mặt phẳng tọa độ Oxy

A(2;0); B(-3;); C(0;4); D(0;-2); E(1;3); F(3;1); G(-2;3); H(2;-3); I(-3;-4)

Bài 3. a) Cho hàm số bậc nhất $y = ax + 5$. Tìm hệ số a, biết rằng khi $x = 2$ thì $y = -5$

b) Cho hàm số bậc nhất $y = 2x + b$. Tìm hệ số b, biết rằng khi $x = -1$ thì $y = 7$

c) Cho hàm số $y = (m - 1)x + 2$ với $m \neq 1$. Tìm m, biết đồ thị hàm số đã cho đi qua điểm (1; -2)

Bài 4. Vẽ đồ thị của các hàm số sau:

a) $y = -2x + 3$

b) $y = 5 - 2,5x$

c) $y = -x - 6$

d) $y = -x$

e) $y = -\frac{5}{3}x$

e) $y = \frac{9}{4}x$

Bài 5. Hãy chỉ ra các cặp đường thẳng song song và các cặp đường thẳng cắt nhau trong các đường thẳng sau.

a) $y = 2x - 4$	b) $y = -2x + 1$	c) $y = -2x + 2$
d) $y = -x$	e) $y = 3 + 2(x - 1)$	g) $y = 4x - 5(x + 2)$

PHẦN IV – XÁC SUẤT CỦA BIẾN CỐ.

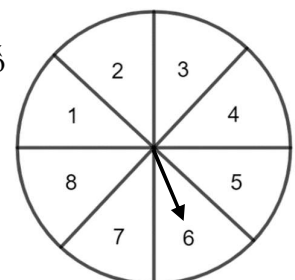
Bài 1. Một hộp chứa 12 tấm thẻ cùng loại được đánh số lần lượt từ 11 đến 22. Chọn ngẫu nhiên 1 thẻ từ hộp. Xét các biến cố sau:

A: “Số ghi trên thẻ là số nguyên tố”.

B: “Số ghi trên thẻ là số chẵn”.

Hãy nêu các kết quả thuận lợi cho mỗi biến cố A và B và tính xác suất của biến cố

Bài 2. Một tấm bìa hình tròn được chia thành 8 hình quạt bằng nhau, đánh số từ 1 đến 8 như hình bên và được gắn vào trục quay có mũi tên cố định ở tâm. Quay tấm bìa và quan sát xem mũi tên chỉ vào hình quạt nào khi tấm bìa dừng lại. Xét các biến cố sau:



- A: “Mũi tên chỉ vào hình quạt ghi số chẵn”.
 B: “Mũi tên chỉ vào hình quạt ghi số chia hết cho 4”.
 C: “Mũi tên chỉ vào hình quạt ghi số nhỏ hơn 3”.

Hãy nêu các kết quả thuận lợi cho mỗi biến cố trên.

Bài 3. Gieo một con xúc xắc 6 mặt cân đối và đồng chất. Tính xác suất của các biến cố sau:

- A: “Gieo được mặt có số chấm là số nguyên tố”.
 B: “Gieo được mặt có nhiều hơn 4 chấm”.

Bài 4. Một hộp chứa 3 viên bi xanh, 4 viên bi đỏ và 5 viên bi vàng có kích thước và khối lượng giống nhau. Lấy ra ngẫu nhiên 1 viên bi từ hộp. Tính xác suất của các biến cố:

- A: “Viên bi lấy ra có màu xanh”.
 B: “Viên bi lấy ra không có màu đỏ”.

Bài 5. Câu lạc bộ tiếng Anh có tổng số thành viên là 35 người. Tỷ lệ thành viên nữ của câu lạc bộ là 60%.

- a) Gặp ngẫu nhiên 1 thành viên của câu lạc bộ, tính xác suất để thành viên đó là nữ.
 b) Em có nhận xét gì về tỉ lệ thành viên nữ và xác suất trên?

Bài 6. Xác suất nảy mầm của một loại hạt giống là 0,8. Người ta đem gieo 1000 hạt giống đó. Hãy ước lượng xem có khoảng bao nhiêu hạt trong số đó sẽ nảy mầm.



Bài 7. Một nhà máy sản xuất quạt điện tiến hành kiểm tra chất lượng của 600 chiếc quạt điện đã sản xuất và thấy có 5 chiếc bị lỗi. Nếu kiểm tra 1500 chiếc quạt điện khác, hãy dự đoán xem có khoảng bao nhiêu chiếc quạt điện không bị lỗi.

Bài 8. Ở một sân bay người ta nhận thấy với mỗi chuyến bay, xác suất tất cả mọi người mua vé đều có mặt để lên máy bay là 0,9. Trong một ngày sân bay đó có 120 lượt máy bay cất cánh. Hãy ước lượng số chuyến bay trong ngày hôm đó có người mua vé nhưng không lên máy bay.

Bài 9. Ở một trang trại nuôi gà, người ta nhận thấy xác suất một quả trứng gà có cân nặng trên 42g là 0,4. Hãy ước lượng xem trong một lô 2000 quả trứng gà của trang trại có khoảng bao nhiêu quả trứng có cân nặng trên 42g.

Bài 10. Mỗi bạn Tuấn, Bình và Khoa tung một đồng xu cân đối và đồng chất 20 lần và ghi lại kết quả ở bảng sau:

Người tung	Số lần xuất hiện mặt sấp	Số lần xuất hiện mặt ngửa
Tuấn	9	11
Bình	12	8
Khoa	7	13

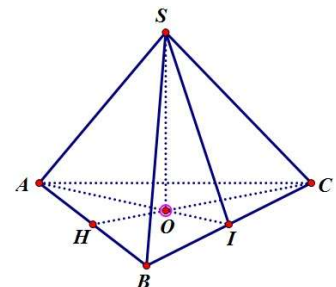
Gọi A là biến cố “xuất hiện mặt sấp”.

Tính các xác suất thực nghiệm của biến cố A sau 20 lần tung của từng bạn.

PHẦN V – HÌNH CHÓP TAM GIÁC ĐỀU.

Bài 1. Quan sát hình chóp tam giác đều ở hình bên và cho biết:

- a) Đỉnh, mặt đáy và các mặt bên.
 b) Đường cao và trung đoạn của hình chóp đó.



Bài 2. Cho một hình chóp tam giác đều S.ABC có độ dài cạnh đáy BC bằng 11cm và đường cao của tam giác cân SAB là SM = 7cm. Tính diện tích xung quanh của hình chóp tam giác đều S.ABC.

Bài 3. Tính diện tích xung quanh và thể tích của khối chóp tam giác đều có độ dài cạnh đáy là 10cm, chiều cao của mặt bên xuất phát từ đỉnh của hình chóp tam giác đều là 12cm.

Bài 4. Chóp inox đặt trên đỉnh núi Fansipan (Việt Nam) có dạng hình chóp tam giác đều với diện tích đáy khoảng 1560cm² và chiều cao khoảng 90cm. Tính thể tích của chóp inox trên đỉnh núi Fansipan (Việt Nam).



Bài 5. Bộ nam châm xếp hình có dạng hình chóp tam giác đều (như hình ảnh bên) có độ dài cạnh đáy khoảng 6cm và mặt bên có đường cao khoảng 7cm. Tính diện tích xung quanh bộ nam châm xếp hình đó.



PHẦN VI – TAM GIÁC ĐỒNG DẠNG.

Bài 1. Cho tam giác ABC nhọn ($AB < AC$), đường cao AH (H thuộc BC). Tia phân giác của góc BAC cắt BC tại D. Gọi E, F lần lượt là chân đường vuông góc kẻ từ D tới AB, AC.

- Chứng minh $\triangle CHA$ đồng dạng với $\triangle CFD$.
- Tia FE cắt AD tại K. Chứng minh $\frac{CD}{CA} = \frac{DE}{AH}$ và $\widehat{KFD} = \widehat{EAD}$
- Đường thẳng đi qua D vuông góc với BC cắt EF tại J. Chứng minh $JF \cdot DC = JE \cdot BD$

Bài 2. Cho tam giác ABC vuông tại A ($AB < AC$), đường cao AH.

- Chứng minh $\triangle ABH$ đồng dạng với $\triangle BAC$.
- Chứng minh $AH^2 = HB \cdot HC$
- Gọi M là hình chiếu của H trên AC, P là trung điểm của AB, CP cắt HM tại Q và cắt AH tại I.
Chứng minh $\frac{QH}{PB} = \frac{QM}{PA}$ và ba điểm B, I, M thẳng hàng.

Bài 3. Cho tam giác ABC vuông tại A, đường cao AH.

- Chứng minh: $AB^2 = BH \cdot BC$
- Chứng minh: $\triangle HAB$ đồng dạng $\triangle HCA$
- Kẻ HD vuông góc với AC tại D. Đường trung tuyến CM của tam giác ABC cắt HD tại N.
Chứng minh $HN = DN$
- Qua A kẻ đường thẳng d song song với BC. Trên đường thẳng d lấy điểm E (E và C nằm trên cùng một nửa mặt phẳng bờ AH) sao cho $\frac{AE}{BC} = \frac{AD}{DC}$. Gọi I là giao điểm của AH và CM. Chứng minh ba điểm B, E, I thẳng hàng.

Bài 4. Cho tam giác ABC vuông tại A, đường cao AH. Gọi M, N lần lượt là hình chiếu của H trên AB, AC

- Chứng minh $AH^2 = AM \cdot AB$
- Chứng minh $\triangle AMN \sim \triangle ACB$
- Kẻ phân giác AI của tam giác ABC. Biết $AB = 12\text{cm}$, $AC = 16\text{cm}$. Tính diện tích tam giác ABI.
- Giả sử I là một điểm bất kì trên đoạn BC. Gọi E, F lần lượt là hình chiếu I trên AB, AC.
Chứng minh: $BI \cdot IC = AE \cdot EB + AF \cdot FC$

Bài 5. Cho hình chữ nhật ABCD. M là hình chiếu của A trên BD

- Chứng minh: $\triangle ABD$ đồng dạng với $\triangle MAD$.
- Nếu $AB = 8\text{cm}$; $AD = 6\text{cm}$. Tính độ dài đoạn thẳng DM.
- Đường thẳng AM cắt đường thẳng DC và BC thứ tự tại N và P. Chứng minh $AM^2 = MN \cdot MP$
- Lấy điểm E trên cạnh AB, F trên cạnh BC, EF cắt BD ở K. Chứng minh: $\frac{AB}{BE} + \frac{BC}{BF} = \frac{BD}{BK}$.

Bài 6. Cho tam giác ABC vuông tại A ($AB < AC$), D là trung điểm của BC. Đường thẳng qua D và vuông góc với BC cắt các đường thẳng AC và AB theo thứ tự tại E và F.

- Chứng minh $\triangle AEF$ đồng dạng với $\triangle DEC$ từ đó suy ra $EA \cdot EC = ED \cdot EF$.
- Chứng minh $\widehat{ADE} = \widehat{ECF}$
- Chứng minh $CE \cdot CA + BA \cdot BF = BC^2$
- Trên tia đối của tia CB lấy điểm K bất kì, đường thẳng d tùy ý đi qua K cắt các đoạn FC và FB

lần lượt tại M và N. Chứng minh $\frac{BK}{BN} - \frac{CK}{CM}$ không phụ thuộc vị trí của điểm K và đường thẳng d.

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA HỌC KÌ II

MÔN : NGỮ VĂN LỚP 8

I. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**1. Thơ Đường luật**

- Xác định được giá trị nội dung, nghệ thuật của thơ trữ tình và thơ trào phúng làm theo thể thơ Đường luật.
- Nhận biết, phân tích được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố thi luật (bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối) của thơ thất ngôn bát cú, thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật và một số thủ pháp nghệ thuật của thơ trào phúng.

2. Truyện lịch sử và tiểu thuyết

Nhận biết và phân tích được một số yếu tố hình thức (chi tiết, cốt truyện đa tuyến và đơn tuyến, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ...), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, thái độ của người kể chuyện, ...) trong truyện lịch sử và tiểu thuyết.

II. TIẾNG VIỆT

1. Từ ngữ địa phương, từ ngữ toàn dân, biệt ngữ xã hội
2. Đảo ngữ, câu hỏi tu từ và các biện pháp tu từ đã học....
3. Từ tượng hình, từ tượng thanh
4. Câu khẳng định và câu phủ định
5. Thành phần biệt lập trong câu

Yêu cầu:

Chỉ rõ và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản.

Phát hiện từ tượng hình, từ tượng thanh, giải nghĩa và nêu được giá trị biểu cảm khi sử dụng.

Chỉ rõ đặc điểm hình thức và chức năng của câu phủ định, câu khẳng định.

Nhận biết và hiểu tác dụng của các thành phần biệt lập trong câu.

III. VIẾT :

1. Viết bài văn phân tích một tác phẩm thơ.
2. Viết bài văn nghị luận xã hội.

GIANG VO WARD- HA NOI
THANH CONG SECONDARY SCHOOL
School year 2025 – 2026

REVISION FOR THE 2ND TERM TEST
ENGLISH 8

A. CONTENT

Unit	Topic	Phonetics	Vocabulary	Grammar
7	Environmental Protection	Sounds: /bl/ and /kl/	Environmental protection	Complex sentences with adverb clauses of time (when/as soon as/after....)
8	Shopping	Sounds: /sp/ and /st/	Shopping	Adverbs of frequency (always/usually.....) Present simple for future events.
9	Natural disasters	Stress in words ending in -al and -ous	Types of natural disasters Words describing natural disasters.	Past continuous tense.

10	Communication in the future	Stress in words ending in – ese and - ee	Communication technology	Prepositions of place and time. Possessive pronouns
11	Science and technology	Sentence stress	Science and technology in the future	Future tenses: review Reported speech (statements)

B. REFERENCE TEST:

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation in each of the following questions.

1. A. eruption B. communicate C. multimedia D. earplug
2. A. increase B. speaker C. measure D. untreated

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the word that differs from the other three in the position of primary stress in each of the following questions.

3. A. geography B. temporary C. apology D. astrology
4. A. adoptee B. employee C. refugee D. committee

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions.

5. _____ pencil is broken. Can I borrow _____?
A. Mine - yours B. Your - mine C. My - yours D. Yours – mine
6. We _____ lunch in a restaurant in Japan when the whole building _____ to shake.
A. had - started B. were having – started
C. were having - was starting D. had - was starting
7. Buying groceries online _____ a good idea.
A. always isn't B. isn't always C. isn't rarely D. hardly is
8. I have studied how to play the guitar _____ two months.
A. On B. at C. by D. for
9. All the aquatic animals will die if people _____ dumping sewage into the lake.
A. won't stop B. don't stop C. wouldn't stop D. didn't stop
10. _____ thermal pollution happens, the water temperature in streams, rivers, lakes, or oceans changes.
A. Until B. When C. Before D. As soon as
11. The factory outlets _____ a special offer for all items next week as planned.
A. Will give B. give C. are giving D. are going to give
12. "It's rather cold here. Do you mind if I close the window?" - "_____".
A. Yes, please. B. Sure, please. C. No, go ahead. D. I don't like it.

Read the following announcement and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 13 to 16.

WHAT TO DO DURING A STORM

1. Close all (13) _____ and doors.
2. Stay inside your house.
3. Unplug electrical items to protect damage.
4. Avoid (14) _____ metal objects.
5. Use (15) _____ flashlight if the power goes out.
6. Wait for the storm to end (16) _____ going outside.

13. A. walls B. windows C. rooms D. stairs
 14. A. to touching B. to touch C. touching D. touch
 15. A. an B. the C. a D. X (no article)
 16. A. until B. for C. before D. after

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct order to each of the following question 17.

Our town recently started a new recycling program. The program is going well. _____.

- a. The program provides recycling bins to every household
 b. Many people in the town have started recycling more regularly
 c. The town introduced the program to help protect the environment.

- A. c-a-b B. a-c-b C. b-a-c D. c-b-a

Question 18: Choose the sentence that can end the text (in Question 17) most appropriately.

- A. The recycling program has helped reduce waste in the town
 B. Some people found it hard to separate their trash
 C. The town plans to offer recycling classes for residents
 D. The program faced problems due to a shortage of bins

Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the questions.

Telephone, television, radio, and the Internet help people (19) _____ with each other. Because of these devices, ideas and news of events spread (20) _____ all over the world. For example, within seconds, people can know the results of an election in another country. An (21) _____ football match comes into homes of everyone with a television set. News of a disaster, such as a flood, can bring help from (22) _____ countries. Within hours, help is on the way. This is because modern (23) _____ information travels fast.

19. A. communicate B. communicating C. to communicate D. A&C
 20. A. quickly B. quick C. slowly D. slow
 21. A. rural B. international C. nation D. urban
 22. A. close B. space C. distant D. rich
 23. A. technology B. technological C. technique D. technical

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the sentence that is closest in meaning to the original sentence in each of the following questions.

24. They're twins, but they don't have many interests in common.

- A. Despite they're twins, they don't have many interests in common.
 B. They don't have many interests in common although they're twins.
 C. Although they're twins, but they don't have many interests in common.
 D. They don't have many interests in common because they're twins.

25. **The head of technology department said: "Space tourism will broaden our knowledge of space".**

- A. The head of technology department said that space tourism will broaden our knowledge of space.
 B. The head of technology department said that space tourism would broaden our knowledge of space.
 C. The head of technology department said that space tourism would have broadened our knowledge of space.
 D. The head of technology department said that space tourism broadened our knowledge of space.

26. **The factory's manager said that they were going to hire a group of robots the following week.**

- A. The factory's manager said: "We are going to hire a group of robots the following week".
 B. The factory's manager said: "We were going to hire a group of robots the following week"
 C. The factory's manager said: "They are going to hire a group of robots next week".
 D. The factory's manager said: "We are going to hire a group of robots next week"

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the sentence that is made from the given cues in each of the following questions.

27. The students / study / hard / pass / the exam / with good results.

- A. The students should study hard to pass the exam with good results.
- B. The students pass the exam hard with good results to study.
- C. To passing the exam, the students study hard with good results.
- D. The students study hard passing the exam with good results.

28. The company / announce / they / launch / a new product / next month.

- A. The company announces that they will launch a new product next month.
- B. The company announce launching a new product next month.
- C. They announce the company launching a new product next month.
- D. The company announce they launch a new product next month.

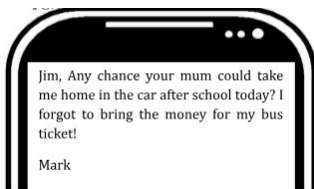
Read the following sign or notice and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions.

29. What does the sign instruct?



- A. The shallow water is only for children.
- B. Do not dive here because it is not safe; the water is shallow
- C. Diving is allowed here; so you should dive into the water
- D. Swimming is not allowed here, so you cannot enter the water

30. What does Mark want to do?



- A. Borrow some money
- B. Travel home with Jim
- C. Invite Jim to visit him
- D. Hire Mark's Mom Home

Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions from 31 to 36.

Cell phones are an **integral** part of our society and their main use is communication. They keep students in touch with the rest of the world by giving them the power to interact with it. In the old days, if you forgot your lunch, you had to rely on the office to call home for you. Now, students have the ability to solve their own problems and handle certain emergencies on their own.

Cell phones also allow students to keep in touch with students at other schools or friends that don't go to school. While not directly beneficial to education, better relationships can lead to higher self-esteem and reduced isolation, which benefits everyone. In the same way, camera phones allow students to capture the kinds of memories that help build a solid school culture, and, in some cases, can act as documentation of misbehavior in the same way that store cameras provide evidence and block bad behavior.

Academically, the cell phone can record a video of a procedure of explanation that students may need to review later. It could be used to record audio of a lecture, as well, for later review. And just imagine if classes could be easily **taped** for students who are absent. What if classes could be streamed and viewed from home instantly? This would provide students with more flexibility in their learning and ensure they never miss out on important content, no matter where they are.

In conclusion, when used the right way, cell phones can be a helpful tool for learning and staying

connected, as long as schools set clear rules to keep them from becoming distractions.

31. The word “**integral**” in paragraph 1 is OPPOSITE in meaning to _____.

- A. main B. necessary C. unimportant D. easy

32. According to paragraph 1, with the cell phone, now students can _____.

- A. handle the household chores B. solve their own problems
C. record their lectures D. cook their lunch

33. According to the passage, cell phones help students to do all of the following EXCEPT?

- A. write their assignment B. record audio of a lecture
C. keep in touch with their friends D. capture the kinds of memories

34. The word “**taped**” in paragraph 3 is CLOSEST in meaning to _____.

- A. streamed B. reviewed C. recorded D. seen

35. How can a cell phone help students academically?

- A. deter bad behavior B. keep in touch with students
C. record a video D. call home

36. What does the passage mainly discuss?

- A. Cell phones will be used as textbooks.
B. How to use some electronic devices in education.
C. Cell phones can be used as an excellent record.
D. How cell phones are used in communication and education.

Four phrases/ sentences have been removed from the text below. For each question, mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 37 to 40.

The impact that technology has had on today’s schools has been quite significant. (37) _____. Teachers are learning how to teach with emerging technologies (tablets, iPads, Smart Boards, digital cameras, computers), (38) _____.

According to a study by IT Trade Association CompTIA, students prefer technology as (39) _____. They especially like laptops and tablets. Subjects that students find challenging or boring can become more interesting with virtual lessons, through a video, or when using a tablet. (40) _____.

A – students are using advanced technology to shape the way they learn.

B – This widespread adoption of technology has changed how teachers and students work.

C – Results from another study even show that technology indeed helps students remember what they learn

D – they believe that it makes learning more interesting and fun

Question 37. _____ Question 38. _____ Question 39. _____ Question 40. _____

Trường THCS Thành Công

Năm học: 2025 - 2026

HƯỚNG DẪN ÔN TẬP HỌC KÌ II - KHTN 8

PHẦN VẬT SỐNG

- HS ôn tập kiến thức theo các chủ đề trong SGK, hoàn thành các bài tập trong SBT.

Một số câu hỏi TNKQ và BT tham khảo.

I. MẠCH KIẾN THỨC SINH - KHTN 8

- Khái niệm về môi trường sống, các nhân tố sinh thái và giới hạn sinh thái.

- Quần thể sinh vật, quần xã sinh vật và hệ sinh thái.

II. BÀI TẬP THAM KHẢO

1. Trắc nghiệm khách quan

Câu 1: Tập hợp sinh vật nào sau đây được coi là quần xã sinh vật?

- A. Các con chim cánh cụt ở Nam Cực
- B. Các con sáo mỏ vàng sống trên đồng cỏ.
- C. Các con cá rô phi sống trong ao nước ngọt.
- D. Các sinh vật sống trong rừng Cúc Phương

Câu 2: Điểm giống nhau giữa quần thể sinh vật và quần xã sinh vật là:

- A. Tập hợp nhiều quần thể sinh vật
- B. Tập hợp nhiều cá thể sinh vật
- C. Gồm các sinh vật trong cùng một loài
- D. Gồm các sinh vật khác loài

Câu 3: Các nhân tố sinh thái nào sau đây là nhân tố sinh thái vô sinh?

- A. Ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm, thực vật.
- B. Khí hậu, thổ nhưỡng, nước, địa hình.
- C. Nước biển, sông, hồ, ao, cá, ánh sáng, nhiệt độ, độ dốc.
- D. Các thành phần cơ giới và tính chất lí, hoá của đất; nhiệt độ, độ ẩm, động vật.

Câu 4: Dòng năng lượng trong các hệ sinh thái được truyền theo con đường phổ biến là:

- A. Năng lượng ánh sáng mặt trời → Sinh vật sản xuất → Sinh vật tiêu thụ → Sinh vật phân giải → Năng lượng môi trường.
- B. Năng lượng ánh sáng mặt trời → Sinh vật tự dưỡng → Sinh vật ăn thực vật → Sinh vật phân giải → Năng lượng môi trường.
- C. Năng lượng ánh sáng mặt trời → Sinh vật sản xuất → Sinh vật phân giải → Sinh vật tiêu thụ → Năng lượng môi trường.
- D. Năng lượng ánh sáng mặt trời → Sinh vật dị dưỡng → Sinh vật ăn sản xuất → Sinh vật phân giải → Năng lượng môi trường.

Câu 5: Một hệ sinh thái hoàn chỉnh có các thành phần chủ yếu nào?

- A. Nhân tố vô sinh, sinh vật sản xuất, sinh vật tiêu thụ, sinh vật phân giải
- B. Nhân tố vô sinh, sinh vật sản xuất, sinh vật tiêu thụ
- C. Nhân tố vô sinh, sinh vật tiêu thụ và sinh vật phân giải
- D. Nhân tố vô sinh, sinh vật sản xuất, sinh vật phân giải

Câu 6: Trong một hệ sinh thái, cây xanh là:

- A. sinh vật phân giải
- B. sinh vật phân giải và sinh vật tiêu thụ
- C. sinh vật sản xuất
- D. sinh vật phân giải và sinh vật sản xuất

Câu 7: Sinh vật tiêu thụ bao gồm:

- A. vi khuẩn, nấm và động vật ăn cỏ
- B. động vật ăn cỏ và động vật ăn thịt
- C. động vật ăn thịt và cây xanh
- D. vi khuẩn và cây xanh

Câu 8: Các hệ sinh thái trên Trái Đất có thể được phân chia thành những nhóm chính nào?

- A. Hệ sinh thái tự nhiên và hệ sinh thái nhân tạo.
- B. Hệ sinh thái nước mặn và hệ sinh thái nước ngọt.
- C. Hệ sinh thái trên cạn và hệ sinh thái dưới nước.
- D. Hệ sinh thái rừng, hệ sinh thái biển

Câu 9: Hoạt động nào sau đây là của sinh vật sản xuất?

- A. Tổng hợp chất hữu cơ thông qua quá trình quang hợp
- B. Phân giải chất hữu cơ thành chất vô cơ
- C. Phân giải xác động vật và thực vật
- D. Không tự tổng hợp chất hữu cơ

Câu 10: Hệ sinh thái nào sau đây có độ đa dạng sinh học cao nhất?

- A. Hệ sinh thái đồng rêu đới.
- B. Hệ sinh thái rừng thông phương Bắc.
- C. Hệ sinh thái rừng mưa nhiệt đới.
- D. Hệ sinh thái rừng ôn đới

2. Trắc nghiệm đúng/sai: Trong mỗi ý a, b, c, d học sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Vai trò của rừng với thiên nhiên:	Đ	S
a. Bảo vệ rừng là góp phần bảo vệ các loài sinh vật, điều hòa khí hậu, giữ cân bằng sinh thái của Trái Đất.		
b. Trồng rừng giúp chống xói mòn, lũ quét.		
c. Rừng mưa nhiệt đới không có vai trò với thiên nhiên		
d. Rừng là môi trường sống của nhiều loài sinh vật.		
Câu 2: Con người bảo vệ rừng vì:	Đ	S
a. Rừng là lá phổi xanh của Trái Đất.		
b. Tài nguyên rừng là tài nguyên không tái sinh.		
c. Sử dụng hợp lí nguồn tài nguyên rừng có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ đất, nước và các tài nguyên sinh vật khác.		
d. Sử dụng hợp lí tài nguyên rừng là phải kết hợp giữa khai thác có mức độ tài nguyên rừng với bảo vệ và trồng rừng.		

3. Trả lời ngắn – HS điền kết quả vào cột đáp số

STT	Câu hỏi	Đáp số
1	Hoạt động tổng hợp chất hữu cơ thông qua quá trình quang hợp là của sinh vật	
2	Cho 2 sơ đồ chuỗi thức ăn: A. Điều hâu → Rắn → Cóc → Châu chấu → Lúa. B. Lúa → Châu chấu → Cóc → Rắn → Điều hâu. Sơ đồ chuỗi thức ăn đúng là....	
3	Hệ sinh thái là một hệ thống sinh học hoàn chỉnh và tương đối ổn định, bao gồm quần xã sinh vật và môi trường sống của chúng. Các sinh vật trong quần xã tác động qua lại với nhau và...	
4	Rừng cây thông nhựa phân bố ở vùng núi Đông Bắc Việt Nam là....	

4. TỰ LUẬN:

Câu 1: Hệ sinh thái là gì? Cho ví dụ? Hệ sinh thái hoàn chỉnh có cấu trúc như thế nào?

Câu 2: Thế nào là chuỗi thức ăn ? cho ví dụ?

Câu 3: Cho các hệ sinh thái sau: Hệ sinh thái đồng ruộng, hệ sinh thái bãi bồi ven biển Cà Mau, hệ sinh thái rừng hỗn giao, hệ sinh thái rừng ngập mặn Cần Giờ, hệ sinh thái ruộng bậc thang, hệ sinh thái đồng cỏ Năng ở Láng Sen, hệ sinh thái trong bể thu sinh khối tảo lục, hệ sinh thái rạn san hô. Em hãy sắp xếp các hệ sinh thái trên vào các kiểu hệ sinh thái phù hợp.

PHẦN CHẤT VÀ SỰ BIẾN ĐỔI CHẤT

I. MẠCH KIẾN THỨC HÓA- KHTN 8

- Các công thức tính số mol và chuyển đổi giữa các đại lượng: Thể tích khí (đk chuẩn), khối lượng chất, thể tích dung dịch.
- Các công thức tính nồng độ dung dịch.
- Tính theo PTHH.
- Phân loại, gọi tên, tính chất hóa học của oxide và acid.

II. BÀI TẬP THAM KHẢO

1. Trắc nghiệm khách quan

Câu 1: Chất nào sau đây **không** phải là acid?

- A. NaCl. B. HNO₃. C. HCl. D. H₂SO₄.

- Câu 2:** Trong số những chất có công thức hoá học dưới đây, chất nào quý tím đổi từ màu tím sang màu đỏ?
 A. HNO₃. B. NaOH. C. Ca(OH)₂. D. NaCl.
- Câu 3:** Cho các chất sau: H₂SO₄, HCl, NaCl, CuSO₄, NaOH, Mg(OH)₂. Số chất thuộc loại acid là:
 A. 1 B. 2 C. 3 D. 4
- Câu 4:** Acid có trong dạ dày của người và động vật giúp tiêu hóa thức ăn là:
 A. Sulfuric acid. B. Acetic acid. C. Stearic acid. D. Hydrochloric acid.
- Câu 5:** Công thức hóa học của oxide tạo bởi carbon và oxygen, trong đó C có hóa trị IV là
 A. CO B. C₂O C. CO₃ D. CO₂
- Câu 6:** Công thức hóa học của oxide tạo bởi Al và O là
 A. Al₂O₃ B. Al₃O₂ C. AlO D. AlO₃
- Câu 7:** Đáp án nào dưới đây có tên gọi đúng với công thức của oxide?
 A. CO: carbon (IV) oxide B. CuO: copper (II) oxide
 C. FeO: iron (III) oxide D. CaO: calcium trioxide
- Câu 8:** Oxide nào dưới đây là oxide base?
 A. SO₂ B. SO₃ C. FeO D. N₂O₅
- Câu 9:** CaO là oxide:
 A. Oxide acid B. Oxide base C. Oxide trung tính D. Oxide lưỡng tính
- Câu 10:** Oxide nào có thể tác dụng với dung dịch hydrochloric acid (HCl)?
 A. CaO B. SO₃ C. CO₂ D. CO
- Câu 11:** Oxide nào dưới đây là oxide acid?
 A. K₂O B. Cu₂O C. CuO D. CO₂.
- Câu 12:** Dãy gồm các kim loại tác dụng được với dung dịch H₂SO₄ loãng là
 A. Fe, Cu, Mg. B. Zn, Fe, Cu. C. Zn, Fe, Al. D. Fe, Zn, Ag.
- Câu 13:** Ở một số khu vực, không khí bị ô nhiễm bởi các chất khí như SO₂, NO₂,... sinh ra trong sản xuất công nghiệp và đốt cháy nhiên liệu. Các khí này có thể hòa tan vào nước và gây ra hiện tượng:
 A. Đất bị phèn, chua. B. Đất bị nhiễm mặn
 C. Mưa acid. D. Nước bị nhiễm kiềm
- Câu 14:** CaO dùng làm chất khử chua đất trồng là ứng dụng tính chất hóa học gì của CaO?
 A. Tác dụng với acid B. Tác dụng với base
 C. Tác dụng với oxide acid D. Tác dụng với muối

2. Trắc nghiệm đúng/sai

HS điền x vào ô trống đúng (Đ) hoặc sai (S) trong bảng sau

STT	Câu hỏi	Đ	S
1	CaO có thể tác dụng với dung dịch NaOH.		
2	Acid tương ứng của SO ₃ là H ₂ SO ₄ .		
3	Công thức hóa học của acid dạng H _n A.		
4	Một số vật dụng bằng nhôm lúc còn mới có vẻ sáng bóng. Sau một thời gian, ta thấy lớp sáng bóng bị mờ đi do lớp nhôm phía ngoài vật dụng phản ứng với oxygen có trong không khí: $4Al + 3O_2 \rightarrow 2Al_2O_3$		

3. Trả lời ngắn – HS điền kết quả vào cột đáp số

STT	Câu hỏi	Đáp số
1	Cho 4g NaOH rắn tác dụng với dung dịch chứa 7,3g HCl. Dung dịch sau phản ứng có môi trường:	
2	Hòa tan hết 16,8 gam kim loại A hóa trị II trong dung dịch hydrochloric acid HCl, sau phản ứng thu được 7,437 lít khí H ₂ ở đkc. Kim loại A là	

3	Cho dung dịch chứa 0,9 mol NaOH vào dung dịch có chứa a mol H ₃ PO ₄ . Sau phản ứng chỉ thu được muối Na ₃ PO ₄ và H ₂ O. Giá trị của a là	
4	Cho 200 mL dung dịch KOH 1M tác dụng với 400 mL dung dịch HCl 1M, sau phản ứng cho thêm một mảnh Mg dư vào sản phẩm thấy thoát ra V thể tích khí H ₂ (đkc). Giá trị của V là	

4. Tự luận

Bài 1: Hoàn thành bảng sau:

CTHH	Phân loại	Gọi tên	CTHH	Phân loại	Gọi tên
H ₂ SO ₄			HCl		
Na ₂ O			SO ₃		
Fe ₂ O ₃			P ₂ O ₅		
FeO			SO ₂		
MgO			CO ₂		

Bài 2: Hoàn thành PTHH sau, ghi rõ điều kiện để phản ứng xảy ra nếu có:

- a. KOH + SO₃ ----> + H₂O e. Ba(OH)₂ + CO₂ ----> + H₂O
b. H₂SO₄ + CaO ----> + H₂O g. H₂SO₄ + Zn ---->... + H₂
c. HCl + Fe ----> + H₂ h. NaOH + P₂O₅ ----> + H₂O
d. H₂SO₄ + Ba(OH)₂ ---->..... + H₂O i. H₂SO₄ + Al(OH)₃ ---->..... + H₂O

Bài 3: Cho 5,4 gam kim loại M (hóa trị III) tác dụng vừa hết với HCl thu được 7,437 lít khí H₂ (đkc). Xác định kim loại M.

Bài 4: Cho 100 mL dung dịch NaOH 2M phản ứng vừa đủ với 100 mL dung dịch H₂SO₄.

- a. Viết PTHH.
b. Tính khối lượng muối sinh ra.
c. Tính nồng độ mol của dung dịch muối sau phản ứng.

(Cho Na: 23, S:32, K: 39, H: 1, O:16, Fe: 56, Al: 27, N: 14, Mg: 24, Cl: 35,5)

MẠCH NĂNG LƯỢNG

PHẦN 1: CÂU TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

Câu 1: Khi nhiệt độ của vật tăng lên thì

- A. nội năng của vật giảm. B. động năng phân tử cấu tạo nên vật giảm.
C. động năng phân tử cấu tạo nên vật tăng. D. thế năng phân tử cấu tạo nên vật tăng.

Câu 2: Chọn phát biểu sai?

- A. Giữa các nguyên tử, phân tử không có khoảng cách.
B. Nguyên tử là hạt chất nhỏ nhất.
C. Phân tử là một nhóm các nguyên tử kết hợp lại.
D. Các chất được cấu tạo từ các hạt nhỏ riêng biệt gọi là các nguyên tử, phân tử.

Câu 3: Khi chuyển động nhiệt của phân tử cấu tạo nên vật nhanh lên thì đại lượng nào sau đây của vật không thay đổi?

- A. Nhiệt năng. B. Khối lượng. C. Động năng. D. Nhiệt độ.

Câu 4: Nhiệt năng của một vật là

- A. hiệu thế năng của các phân tử cấu tạo nên vật.
B. hiệu động năng của các phân tử cấu tạo nên vật.
C. tổng thế năng của các phân tử cấu tạo nên vật.
D. tổng động năng của các phân tử cấu tạo nên vật.

Câu 5: Nội năng của một vật là

- A. tổng động năng và thế năng của vật.

- B. tổng động năng và thế năng của các phân tử cấu tạo nên vật.
- C. tổng nhiệt lượng và cơ năng mà vật nhận được trong quá trình truyền nhiệt và thực hiện công.
- D. nhiệt lượng vật nhận được trong quá trình truyền nhiệt.

Câu 6: Nung nóng một miếng đồng rồi thả vào một cốc nước lạnh. Trong hiện tượng này, phát biểu nào sau đây **đúng**?

- A. Nhiệt năng của miếng đồng tăng lên.
- B. Nhiệt năng của cốc nước tăng lên.
- C. Nhiệt năng của các vật thay đổi do thực hiện công.
- D. Nhiệt năng của miếng đồng thay đổi do có sự chuyển hóa từ cơ năng sang nhiệt năng.

Câu 7: Cách sắp xếp vật liệu dẫn nhiệt từ tốt hơn đến kém hơn nào dưới đây **đúng**?

- A. Nhôm, không khí, nước.
- B. Nhôm, nước, không khí.
- C. Không khí, nhôm, nước.
- D. Không khí, nước, nhôm.

Câu 8: Đối lưu là hình thức truyền nhiệt

- A. chỉ của chất khí.
- B. của chất khí và chất lỏng.
- C. chỉ của chất lỏng.
- D. của chất lỏng và chất rắn.

Câu 9: Bức xạ nhiệt là sự truyền nhiệt ...

- A. qua chất rắn.
- B. qua không khí.
- C. bằng các tia nhiệt đi thẳng.
- D. bằng các tia nhiệt đi theo đường gấp khúc.

Câu 10: Hình thức truyền nhiệt chủ yếu của chất lỏng là

- A. dẫn nhiệt.
- B. đối lưu.
- C. bức xạ nhiệt.
- D. Tất cả các hình thức trên.

Câu 11: Sự dẫn nhiệt chỉ có thể xảy ra giữa hai vật rắn khi

- A. hai vật có nhiệt năng khác nhau.
- B. hai vật có nhiệt độ khác nhau, tiếp xúc nhau.
- C. hai vật có nhiệt độ khác nhau.
- D. hai vật có nhiệt năng khác nhau, tiếp xúc nhau.

Câu 12: Hiện tượng có thể xảy ra cả ở trong chân không là

- A. nhiệt năng.
- B. dẫn nhiệt.
- C. đối lưu.
- D. bức xạ nhiệt.

Câu 13: Đứng gần bếp lửa, ta cảm thấy nóng vì nhiệt lượng truyền từ ngọn lửa đến người bằng:

- A. Sự đối lưu.
- B. Sự dẫn nhiệt của không khí.
- C. Sự bức xạ nhiệt.
- D. Chủ yếu là bức xạ nhiệt, một phần do dẫn nhiệt.

Câu 14: Điều **không phải** là tác động của hiệu ứng nhà kính đến con người?

- A. Gây ra các hiện tượng thủng tầng ozon, nóng lên toàn cầu.....
- B. mưa nhiều, nắng nóng tạo điều kiện thuận lợi để vi khuẩn truyền nhiễm sinh sôi và phát triển, kéo theo nhiều loại bệnh, dịch bệnh phát tan tràn lan, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe con người.
- C. Thu nhập, khả năng tìm kiếm việc làm cũng tụt giảm do tình trạng sức khỏe không cho phép.
- D. Cả ba đáp án trên đều đúng.

Câu 15: Ảnh hưởng của hiệu ứng nhà kính đến tự nhiên là gì?

- A. Ảnh hưởng đến khí hậu.
- B. Gây hư hại cảnh quan thiên nhiên.
- C. Nguồn nước sinh hoạt bị ô nhiễm.
- D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

PHẦN 2: CÂU TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/SAI

Câu 16: Xét các khái niệm về nhiệt năng và nội năng của vật:	Đ	S
a. Nhiệt năng của một vật là tổng động năng của các phân tử cấu tạo nên vật đó.		
b. Nội năng là tổng động năng và thế năng của các phân tử cấu tạo nên vật.		
c. Một vật ở nhiệt độ 0°C thì các phân tử đứng yên nên nội năng của vật bằng không.		
d. Nhiệt độ của vật càng cao thì các phân tử cấu tạo nên vật chuyển động càng nhanh và nội năng của vật càng lớn.		

Câu 17: Xét đặc điểm của hình thức dẫn nhiệt:	Đ	S
a. Dẫn nhiệt là hình thức truyền nhiệt năng từ phần này sang phần khác của một vật hoặc giữa các vật tiếp xúc nhau.		
b. Chất rắn thường dẫn nhiệt tốt hơn chất lỏng và chất khí.		
c. Trong các chất rắn, kim loại là những vật dẫn nhiệt tốt nhất.		
d. Dẫn nhiệt có thể xảy ra mạnh mẽ trong môi trường chân không.		
Câu 18: Xét đặc điểm của hình thức đối lưu:	Đ	S
a. Đối lưu chỉ xảy ra trong chất lỏng.		
b. Đối lưu xảy ra ở cả chất lỏng và chất khí.		
c. Khi làm lạnh bằng đối lưu hiệu quả cần làm lạnh phía trên mặt chất lỏng.		
d. Để đun nóng chất lỏng bằng dòng đối lưu cần đun phía trên mặt chất lỏng.		
Câu 19: Biết nhiệt dung riêng của nước là 4200J/kgK.	Đ	S
a. Để nước nóng lên 1 độ C cần 1 cung cấp năng lượng 4200J.		
b. Nhiệt dung riêng của nước có thể thay đổi tùy theo vị trí địa lý.		
c. Các chất khác nhau có nhiệt dung riêng khác nhau.		
d. Để đun nóng 2kg nước lên 10 độ C cần nhiệt lượng là 48kJ.		

PHẦN 3: CÂU TRẢ LỜI NGẮN (ĐIỀN TỪ VÀO CHỖ TRỐNG)

Câu 20: Chọn cụm từ thích hợp điền vào chỗ trống của những câu sau đây sao cho đúng:

- Khi của vật càng cao, thì các phân tử cấu tạo nên chúng chuyển động và nhiệt năng của vật
- Nhiệt năng của một vật có thể thay đổi bằng 2 cách, đó là và bằng
- là phần nhiệt năng mà vật hay

Câu 21: Dùng cụm từ thích hợp điền vào chỗ trống của những câu sau cho đúng ý nghĩa vật lý :

- có thể truyền từ vật này sang vật khác bằng hình thức dẫn nhiệt.
- Sự bằng các dòng chất lỏng hay chất khí gọi là sự đối lưu.
- Bức xạ nhiệt là sự truyền nhiệt bằng
- có thể xảy ra ở cả trong chân không.

PHẦN 4: TỰ LUẬN

Câu 22: Giải thích các hiện tượng sau:

- Những người uống trà nóng thường bỏ một cái thìa kim loại (tốt nhất là bằng bạc) vào cốc thủy tinh trước khi rót nước sôi vào đó. Em hãy giải thích vì sao lại như vậy?
- Vào mùa lạnh ta thường mặc áo bông. Vậy tác dụng thực của chiếc áo bông là gì?
- Vì sao trong một số nhà máy, người ta thường xây dựng những ống khói rất cao?

Câu 23: Bài tập về công thức tính nhiệt lượng

- Có hai lít nước sôi đựng trong một cái ca. Hỏi khi nhiệt độ của nước là 40⁰C thì nước đã tỏa ra môi trường xung quanh một nhiệt lượng bằng bao nhiêu?
- Người ta cung cấp cho 5lít nước một nhiệt lượng là 600 kJ. Nước sẽ nóng lên bao nhiêu độ,
Cho biết 1 lít nước có khối lượng 1 kg.
- Một thỏi sắt có khối lượng 4,5 kg được nung nóng tới 320⁰C. Nếu thỏi sắt nguội đến 70⁰C thì nó tỏa ra nhiệt lượng bao nhiêu?

Cho nhiệt dung riêng của nước là 4200 J/kg.độ và của sắt là 460J/kg.độ.

- A. Chế độ phong kiến Việt Nam đang lâm vào khủng hoảng trầm trọng.
- B. Nhân dân Việt Nam đang phải tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.
- C. Một số văn thân, sĩ phu Việt Nam có điều kiện tham khảo kinh nghiệm của nước ngoài.
- D. Nhà Nguyễn chú trọng phát triển kinh tế để tăng cường tiềm lực quốc phòng.

Bài 2. Câu trắc nghiệm đúng, sai

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau và chọn **đúng** hoặc **sai** trong mỗi ý A, B, C, D.

“Tôi xem khắp thiên hạ từ xa xưa đến nay, các nước sở dĩ bảo tồn được dài lâu, không nước nào không do hai điều kiện là giàu và mạnh. Mà sở dĩ được giàu mạnh thì không thể không bắt đầu bằng việc mở rộng đất đai làm đông dân chúng, thông thương qua lại và giao du với các nước”.

(Nguồn: Bản điều trần của Nguyễn Trường Tộ gửi lên vua Tự Đức năm 1871, theo: Trương Bá Cần, Nguyễn Trường Tộ - con người và di thảo, NXB Hồng Đức, Hà Nội, 2019, tr.848)

- A. Đoạn tư liệu thể hiện lý do đất nước ta giàu mạnh.
- B. Nguyễn Trường Tộ cho rằng việc mở cửa giao thương với các nước sẽ giúp đất nước giàu và mạnh.
- C. Nguyễn Trường Tộ mong muốn đất nước giàu và mạnh.
- D. Những đề nghị của Nguyễn Trường Tộ như việc mở rộng đất đai, thông thương qua lại và giao du với các nước được vua Tự Đức chấp nhận.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau và chọn **đúng** hoặc **sai** trong mỗi ý A, B, C, D.

“... Năm 1833, Giám mục Ta-be đã xác nhận: Quần đảo Pa-ra-xen, mà người Việt gọi là Cát Vàng hay Hoàng Sa đã được chiếm cứ bởi người Việt xứ Đàng Trong. Hoàng đế Gia Long xét thấy đúng lúc phải vượt biển để tiếp thu quần đảo Hoàng Sa, vào năm 1816, Ngài đã long trọng treo tại đó lá cờ của xứ Đàng Trong...”

(Nguồn: Theo Hãn Nguyên Nguyễn Nhã, Những bằng chứng về chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, Sđd, tr. 61)

- A. Vua Gia Long cử người vượt biển quản lí quần đảo Hoàng Sa, treo cờ khẳng định chủ quyền tại quần đảo này.
- B. Ngay từ thời vua Gia Long, ông đã rất chú trọng việc khẳng định chủ quyền và có những hoạt động thực thi chủ quyền tại quần đảo Hoàng Sa.
- C. Người Việt gọi quần đảo Trường Sa là Bãi Cát Vàng.
- D. vua Gia Long phái thủy quân ra quần đảo Hoàng Sa cắm bảng đánh dấu lại vùng lãnh thổ Việt Nam.

Bài 3. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn

Câu 1. Vào năm 1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta đầu tiên ở đâu?

Câu 2. Nhân vật lịch sử nào có công thành lập triều Nguyễn (1802)?

Câu 3. Sau khi thành lập, nhà Nguyễn đã đóng đô ở đâu?

Câu 4. Hãy kể tên các văn thân, sĩ phu yêu nước đã lãnh đạo nhân dân Nam Kỳ chống Pháp giai đoạn 1858 – 1873.

Câu 5. Vì sao các đề nghị cải cách của quan lại, sĩ phu yêu nước Việt Nam cuối thế kỉ XIX hầu hết đều không được thực hiện?

Câu 6. Trong số các đề nghị cải cách của quan lại, sĩ phu vào cuối thế kỉ XIX, đề nghị cải cách của ai được coi là nổi bật nhất?

Câu 7. Năm 1877 và 1882, Nguyễn Lộ Trạch gửi hai bản điều trần *Thời vụ sách* lên vua Tự Đức nhằm đề nghị cải cách vấn đề gì?

Câu 8. Vì sao thực dân pháp chọn Đà Nẵng là điểm tấn công đầu tiên khi xâm lược nước ta?

B. Tự luận

Câu 1. Tinh thần kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân ta được thể hiện như thế nào trong giai đoạn 1858 - 1873?

Câu 2. Mô tả quá trình thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của nhà Nguyễn. Cho biết ý nghĩa của việc làm đó. Qua đó, hãy nêu những việc làm cụ thể mà em có thể thực hiện để góp phần bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam hiện nay.

II. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ

A. Nội dung kiến thức trọng tâm: Bài 11, 12

B. Bài tập tham khảo

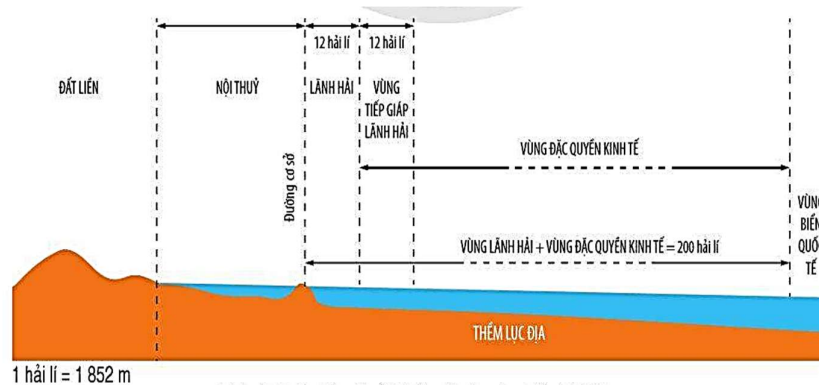
Bài 1. Tự luận

Câu 1. Trình bày đặc điểm khí hậu vùng biển đảo Việt Nam

Câu 2. Trình bày đặc điểm hải văn vùng biển đảo Việt Nam

Câu 3. Nêu ba giải pháp để bảo vệ môi trường biển, đảo của nước ta hiện nay.

Bài 2. Dạng câu hỏi trả lời đúng hoặc sai



Hình 11.2. Sơ đồ mặt cắt khái quát các vùng biển Việt Nam

Quan sát hình 11.2. Sơ đồ mặt cắt khái quát các vùng biển Việt Nam, hãy cho biết các nhận định sau đây đúng hay sai.

Nhận định	Đáp án
a. Vùng biển nước ta thuộc Biển Đông, bao gồm có 6 bộ phận.	
b. Căn cứ để tính chiều rộng lãnh hải của lục địa Việt Nam là đường cơ sở.	
c. Vùng nước tiếp giáp với bờ biển, ở phía trong đường cơ sở gọi là vùng lãnh hải.	
d. Vùng tiếp giáp lãnh hải là vùng biển tính từ ranh giới ngoài của vùng lãnh hải ra phía biển, rộng 12 hải lý.	
e. Đường biên giới quốc gia trên biển là đường ranh giới ngoài của vùng lãnh hải.	
f. Vùng đặc quyền kinh tế có độ rộng 200 hải lý.	
g. Vùng đặc quyền kinh tế được tính từ vùng tiếp giáp lãnh hải ra tới vùng biển quốc tế.	
h. Lãnh hải được tính từ đường cơ sở ra phía biển, có độ rộng là 12 hải lý.	

Bài 3. Dạng câu hỏi trả lời ngắn

Câu 1. Trên các đảo ở vùng biển nước ta có hệ sinh thái rừng nào phát triển?

Câu 2. Diện tích vùng biển nước ta là bao nhiêu?

Câu 3. Hãy kể tên ba quốc gia có chung Biển Đông với nước ta.

Câu 4. Kể tên hai quần đảo lớn nhất trong vùng biển nước ta.

Câu 5. Kể tên ba vịnh biển lớn thuộc Biển Đông.

Câu 6. Tại sao môi trường đảo sẽ thay đổi rất nhanh khi có sự tác động của con người?

Câu 7. Môi trường biển có đặc điểm gì?

Câu 8. Biển, đảo cung cấp những loại tài nguyên nào để phát triển kinh tế?

Câu 9. Nêu hai nguyên nhân làm ô nhiễm môi trường biển của nước ta hiện nay.

HƯỚNG DẪN ÔN TẬP THI CUỐI HỌC KÌ II

Môn: Tin học – Khối 8

A. LÝ THUYẾT

- Tạo đầu trang chân trang cho văn bản.
- Định dạng nâng cao cho trang chiếu.
- Sử dụng bản mẫu có trình chiếu.
- Từ thuật toán đến chương trình.
- Biểu diễn dữ liệu.

B. MỘT SỐ BÀI TẬP THAM KHẢO**Phần I: Trắc nghiệm****Câu 1:** Trong văn bản, tên gọi của chân trang là gì?

- A. Header B. Footer C. Page Number D. Blank

Câu 2: Em hãy chọn những phương án **sai** trong các phương án sau.

- A. Đánh số trang giúp người đọc biết độ dài của văn bản (nhìn số trang cuối).
 B. Đánh số trang, cùng với mục lục, giúp người đọc dễ dàng tìm thấy các phần cụ thể của văn bản.
 C. Đánh số trang có phép trích dẫn một trang cụ thể của văn bản.
 D. Phần mềm soạn thảo văn bản không có chức năng đánh số trang tự động.

Câu 3: Em hãy chọn phương án đúng trong các phương án sau.

- A. Đầu trang và chân trang là đoạn văn bản đầu tiên và cuối cùng trong một trang.
 B. Thông tin ở phần đầu trang và chân trang thường ngắn gọn và được tự động thêm vào tất cả các trang trong văn bản.
 C. Đầu trang và chân trang là văn bản hoặc hình ảnh được chèn vào lề trên và lề dưới.
 D. Không thể đưa hình ảnh vào đầu trang và chân trang.

Câu 4: Đánh số trang vào vị trí giữa, bên dưới trang văn bản, ta làm thế nào?

- A. Chọn Page Number, nhấn Bottom of Page/Plain Number 2.
 B. Chọn Page Number, nhấn Bottom of Page/Plain Number 1.
 C. Chọn Page Number, nhấn Bottom of Page/Plain Number 3.
 D. Chọn Page Number, nhấn Top of Page/Plain Number 2.

Câu 5: Điền vào chỗ (...).*Văn bản trên trang chiếu cần được định dạng sao cho, cỡ chữ hài hòa, hợp lí với**Văn bản được định dạng phù hợp giúp đem lại hiệu quả cao trong việc nội dung trình chiếu.*

- A. màu sắc / nội dung / truyền đạt B. nội dung / màu sắc / truyền đạt
 C. truyền đạt / màu sắc / nội dung D. màu sắc / truyền đạt / nội dung

Câu 6: Em hãy chọn phương án **sai** trong các phương án sau.

- A. Đầu trang và chân trang có thể được định dạng phông chữ, cỡ chữ, màu chữ khác nhau.
 B. Có thể bỏ phần đầu trang và chân trang khỏi trang chiếu tiêu đề.
 C. Có thể tự động cập nhật thời gian vào thông tin ở đầu trang và chân trang.
 D. Những thông tin lựa chọn và nhập vào cửa sổ Header & Footer được tự động áp dụng cho tất cả các trang chiếu trong bài trình chiếu.

Câu 7: Phát biểu nào sau đây **sai** về sử dụng cỡ chữ trên trang chiếu.

- A. Cỡ chữ trên trang chiếu thường từ 20pt trở lên.
 B. Nên sử dụng cùng cỡ chữ cho tiêu đề và nội dung của bài trình chiếu.
 C. Sử dụng cỡ chữ thống nhất cho các mục cùng mức phân cấp, mức phân cấp tiếp theo có cỡ chữ nhỏ hơn mức phân cấp trước đó.
 D. Cùng một cỡ chữ nhưng với phông chữ khác nhau thì kích thước chữ không hoàn thành như nhau.

Câu 8: Bản mẫu là gì?

- A. Là bản thiết kế của một hoặc một nhóm các trang chiếu được lưu dưới dạng một tệp có phần mở rộng là .potx.
- B. Là một trang chiếu có màu sắc, hình ảnh nền, phong chữ, kiểu chữ, cỡ chữ,... được thiết kế sẵn theo chủ đề.
- C. Là người xem có thể xem lại nhiều lần nội dung bài trình chiếu mà không nhất thiết phải có tác giả trực tiếp trình bày.
- D. Cả 3 đáp án trên.

Câu 9: Trong Powerpoint, bản mẫu có tên là gì?

- A. Templates.
- B. Themes.
- C. Apply to selected slides.
- D. Design.

Câu 10: Phân biệt giữa bản mẫu và mẫu định dạng.

- A. Mẫu định dạng được thiết kế phù hợp với bản mẫu.
- B. Mẫu định dạng được thiết kế sẵn theo chủ đề. Bản mẫu được thiết kế phù hợp với chủ đề trình chiếu.
- C. Bản mẫu được thiết kế sẵn theo chủ đề. Mẫu định dạng được thiết kế phù hợp với chủ đề trình chiếu.
- D. Mẫu định dạng được thiết kế sẵn theo bản mẫu.

Câu 11: Apply to selected slides là câu lệnh nào?

- A. Mở bản mẫu.
- B. Áp dụng mẫu định dạng cho trang chiếu được chọn.
- C. Chọn ảnh minh họa.
- D. Thay đổi thứ tự trang chiếu.

Câu 12: Phương án nào sau đây mô tả các bước sử dụng bản mẫu?

- A. Nháy chuột chọn Design/Themes, chọn bản mẫu.
- B. Nháy chuột chọn Design/Variants, chọn bản mẫu.
- C. Nháy chuột chọn Insert/Text, chọn bản mẫu.
- D. Nháy chuột chọn File/New, chọn bản mẫu.

Câu 13: Mô tả công việc dưới dạng thuật toán.

- A. Các lệnh trong chương trình được thực hiện tuần tự từ trên xuống dưới.
- B. Các lệnh viết bằng ngôn ngữ lập trình chỉ dẫn máy tính thực hiện các bước của thuật toán.
- C. Là bước thực hiện công việc đó.

Câu 14: Chương trình máy tính là gì?

- A. Các lệnh trong chương trình được thực hiện tuần tự từ trên xuống dưới.
- B. Các lệnh viết bằng ngôn ngữ lập trình chỉ dẫn máy tính thực hiện các bước của thuật toán.
- C. Là bước thực hiện công việc đó.
- D. Các bước của thuật toán được thực hiện tuần tự từ trên xuống dưới.

Câu 15: Điều kiện của các bước thực hiện trong thuật toán là gì?

- A. Các lệnh trong chương trình được thực hiện tuần tự từ trên xuống dưới.
- B. Các lệnh viết bằng ngôn ngữ lập trình chỉ dẫn máy tính thực hiện các bước của thuật toán.
- C. Là bước thực hiện công việc đó.
- D. Các bước của thuật toán được thực hiện tuần tự từ trên xuống dưới.

Câu 16: Điều kiện của các lệnh trong chương trình là gì?

- A. Các lệnh trong chương trình được thực hiện tuần tự từ trên xuống dưới.
- B. Các lệnh viết bằng ngôn ngữ lập trình chỉ dẫn máy tính thực hiện các bước của thuật toán.
- C. Là bước thực hiện công việc đó.
- D. Các bước của thuật toán được thực hiện tuần tự từ trên xuống dưới.

Câu 17: Biến là gì?

- A. Là các lệnh viết bằng ngôn ngữ lập trình chỉ dẫn máy tính thực hiện các bước của thuật toán.
- B. Là một vùng trong bộ nhớ, được đặt tên và được dùng để lưu trữ dữ liệu khi thực hiện chương trình.
- C. Là đại lượng có giá trị không đổi trong quá trình thực hiện chương trình.
- D. Cả 3 đáp án trên.

Câu 18: Đây là dữ liệu kiểu số?

- A. Số nguyên, số thực, số tự nhiên,...
- B. Dãy kí tự.
- C. Đúng (true), sai (false).
- D. Cả 3 đáp án trên.

